

Cấu trúc có động từ cụm động từ làm định ngữ

sắp xếp câu (thêm dấu câu)

(1) 今天 的 参加 人 很多
Jīntiān de cānjiā rén hěnduō

(2) 的 吃 东西
De chī dōngxī

(3) 我 的 去超市 买点儿 吃 东西
Wǒ de qù chāoshì mǎidiǎnr chī dōngxī

(4) 汉娜 的 见过 是 人 最美 我
Hànà de jiànguò shì rén zuìměi wǒ